

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** E403**Môn thi:** Kỹ năng nghe**Ca thi:** 9h15**Ngày thi:** 17/08/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0065	Nguyễn Thị Minh	Hằng	1/1/1999			
2	TA0066	Nguyễn Thị Đức	Hạnh	1/11/2000			
3	TA0067	Cao Thi	Hiền	1/6/2000			
4	TA0068	Nguyễn Hoàng	Hiệp	29/12/2000			
5	TA0069	Đỗ Trung	Hiếu	11/11/2000			
6	TA0070	Hồ Văn	Hiếu	9/1/1999			
7	TA0071	Lại Minh	Hiếu	5/1/2000			
8	TA0072	Ngô Minh	Hiếu	4/7/2000			
9	TA0073	Nguyễn Trung	Hiếu	15/5/2000			
10	TA0074	Phạm Hồng	Hiếu	30/4/2000			
11	TA0075	Lại Thị Thanh	Hoa	30/3/1999			
12	TA0076	Chu Thị Thu	Hoài	13/5/2000			
13	TA0077	Nguyen Minh	Hoan	24/7/1999			
14	TA0078	Bùi Duy	Hoàng	22/11/2001			
15	TA0079	Dương Văn	Hoàng	30/12/1999			
16	TA0080	Lê Huy	Hoàng	7/9/1999			
17	TA0081	Nguyễn Huy	Hoàng	22/6/2000			
18	TA0082	Nguyễn Việt	Hoàng	30/8/2000			
19	TA0083	Trần Đình	Hoàng	16/5/2000			
20	TA0084	Đoàn Thu	Hồng	2/10/2000			
21	TA0085	Nguyễn Thị Thanh	Huế	9/9/2000			

22	TA0086	Ngô Thị	Huệ	7/10/2000			
23	TA0087	Bùi Quang	Hùng	6/12/2000			
24	TA0088	Lã Sơn	Hùng	23/3/2000			
25	TA0089	Nguyễn Đức	Hùng	03/03/1999			
26	TA0090	Nguyễn Xuân	Hùng	28/2/1998			
27	TA0091	Nguyễn Thành	Hùng	6/6/2000			
28	TA0092	Bùi Thu	Hương	28/8/2000			
29	TA0093	Nguyễn Thị Diễm	Hương	6/2/2000			
30	TA0094	Nguyễn Thị Thu	Hương	23/6/2000			
31	TA0095	Phạm Thị Lan	Hương	16/8/2000			
32	TA0096	Nguyễn Gia	Huy	15/6/2000			
33	TA0097	Nguyễn Quang	Huy	16/6/2000			
34	TA0098	Nguyễn Quang	Huy	18/02/2000			
35	TA0099	Nguyễn Trọng	Huy	18/12/1999			
36	TA0100	Phạm Quang	Huy	21/7/2000			
37	TA0101	Lê Thị	Huyền	18/9/1999			
38	TA0102	Nguyễn Thị	Huyền	19/10/1998			
39	TA0103	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	22/5/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)